TAND HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **25**/2021/HNGĐ -ST Ngày: 28/6/2021 V/v: "Tranh chấp HNGĐ"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cương.

Ông Dương Ngô Phiên.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Y, sinh năm 1987 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bản A T, xã C N, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Lý Văn K, sinh năm: 1981 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bản C T, xã C N, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2021, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Bùi Thị Y trình bày: Chị kết hôn với Lý Văn K ngày 15 tháng 02 năm 2008 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C N, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại bản A T, xã C N, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị không hợp nhau, anh K không chịu làm ăn, chị đã khuyên bảo anh K nhiều lần nhưng anh K không thay đổi, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 4 năm 2015, vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 18 tháng 4 năm 2015 đến

nay. Từ khi ly thân vợ chồng chị không còn quan tâm đến nhau nữa, việc của ai người ấy làm, cắt đứt mọi liên lạc. Chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Lý Văn K.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Lý Thi Xuân Q, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2008 và Lý Ngọc G, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2011. Hiện nay cháu Q và cháu G đang sinh sống cùng với anh K, khi ly hôn chị có nguyện vọng để anh K nuôi cháu Q và cháu G, chị cấp dưỡng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng/1 cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, quyền sử dụng đất chung, các khoản nợ chung: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Lý Văn K trình bày:**

Anh và chị Bùi Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 02 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã C N, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau bình thường, thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do mâu thuẫn giữa chị Y và mẹ anh dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng anh. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2015 nên vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, chị Y bỏ về nhà mẹ đẻ tại bản A T, xã C N sinh sống, anh đã đến nhà chị Y để đón chị Y về chung sống với anh nhưng chị Y không về, từ đầu năm 2016 đến nay anh và chị Y không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị Y xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì con chung còn nhỏ, anh muốn chị Y trở về chung sống cùng anh để nuôi dạy các con.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Lý Thi Xuân Q, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2008 và Lý Ngọc G, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2011. Hiện cháu Q và cháu G đang sống cùng với anh tại bản Còn Trang, xã C N, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang. Anh có nguyện vọng nuôi cháu Q và cháu G, anh đồng ý để chị Y cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng/1 cháu.

Về tài sản chung, quyền sử dụng đất chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh tại đối với đại diện bản C T, xã C N xác định: Chị Bùi Thị Y và anh Lý Văn K kết hôn năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C N, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang. Qúa trình chung sống vợ chồng chị Y, anh K thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do gia đình chị Y, anh K không nói ra nên địa phương không xác định được, chị Y và anh K đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Vợ chồng anh K, chị Y có 01 con chung là cháu Lý Thi Xuân Q, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2008 và Lý Ngọc G, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2011. Hiện cháu Q và cháu G đang sống cùng với anh K. Đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Bùi Thị Y và anh Lý Văn K đều vắng mặt

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Giao cháu Lý Thi Xuân Q và cháu Lý Ngọc G cho anh K nuôi dưỡng, chị Y cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng kể từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu Q và cháu G đủ 18 tuổi.

- Về án phí: chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Y T nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình: Xin ly hôn, nuôi con.

Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lý Văn K có địa chỉ tại xã C N, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Chị Bùi Thị Y và anh Lý Văn K vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Y và anh K.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã C N, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu

thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng về quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2015 đến nay. Sau khi ly thân anh K đã đến nhà chị Y động viên chị Y về chung sống cùng với anh K để nuôi dạy các con nhưng chị Y không đồng ý, từ năm 2016 đến nay chị Y và anh K không còn liên lạc với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh K là trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Y được ly hôn với anh K là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị Y, anh K có 02 con chung là cháu Lý Thi Xuân Q, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2008 và Lý Ngọc G, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2011. Hiện cháu Q và cháu G đang sống cùng với anh K tại bản Còn Trang, xã C N, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi ly hôn chị Y và anh K đều có nguyện vọng giao cháu Q và cháu G cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y cấp dương nuôi con chung 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ 1 tháng/ 1 cháu. Xét thấy: Cháu Q và cháu G đều có nguyện vọng sống cùng với anh K, chị Y và anh K đều thống nhất được việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung nên cần công nhận thỏa thuận của chị Y và anh K giao cháu Q và cháu G cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y và anh K đều thống nhất thỏa thuận chị Y cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng/1 cháu là phù hợp nên cần chấp nhận thỏa thuận của chị Y và anh K.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, quyền sử dụng đất chung, các khoản nợ chung: Chị Y và anh K cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị Y phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14

ngày 30/12/21016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Y ly hôn anh Lý Văn K

2. Về con chung: Giao cháu Lý Thi Xuân Q, sinh ngày 28/12/2008 và Lý Ngọc G, sinh ngày 05/3/2011 cho anh Lý Văn K trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị Y cấp dưỡng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng/1 cháu kể từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Bùi Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng. Xác nhận chị Y đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0004712 ngày 13/4/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y T, tỉnh Bắc Giang thu. Số tiền chị Y còn phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y T;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Y T;
- UBND xã C N.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Hùng